

GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN CHỌN THAM KHẢO THEO PHONG CÁCH HARVARD

Tùng Vân và Nguyễn Mai Trang dịch¹

Nguyễn Kiên hi sinh và biên tập

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHỌN THAM KHẢO

1. Chọn tham khảo là gì?

Chọn nguồn thông tin tham khảo trong học thuật có nghĩa là sử dụng một phương pháp chuẩn hóa xác nhận vị trí sử dụng nguồn thông tin đó. Cần phải đưa ra chỉ tiêu về nguồn tài liệu tham khảo. Tất cả thông tin sử dụng trong bài viết, khóa luận... dù đã xuất bản hay chưa công bố đều phải được chọn ra.

Phương pháp chọn tham khảo (trình bày các thông tin về tài liệu tham khảo trích dẫn) trong học thuật phong phú và tùy thuộc vào quy định của từng trường, từng khoa, từng giảng viên, hoặc từng ngành học. Mỗi trường có quy định phương pháp chọn tham khảo riêng của mình. Trước khi sinh viên có ý định áp dụng bất kỳ một phương pháp chọn tham khảo nào, sinh viên cần kiểm tra xem tài liệu đang theo học có quy định bắt buộc một loại phương pháp tham khảo nào không.

2. Tại sao phải chọn tham khảo?

Khi viết bất kỳ bài viết, khóa luận, nghiên cứu... cần phải chọn nguồn thông tin sử dụng:

- chọn mình rằng tác phẩm của mình có cơ sở thật.
- đưa ra những tài liệu đã tham khảo và tài liệu trong bài viết của mình
- giúp người khác tìm kiếm lại các nguồn tài liệu tham khảo

¹ Tùng Vân và Nguyễn Mai Trang dịch từ “Library guide on Harvard Referencing” của trường đại học RMIT, xuất bản ngày 10/09/2006 tại <http://www.rmit.edu.au/info-trek/referencing>. Nguyễn Kiên hi sinh và biên tập lại.

Nguồn thông tin từ Internet có kiểm soát bởi Luật tác quyền. Vì vậy, các nguồn thông tin tham khảo từ Internet cũng phải có chế độ như các nguồn thông tin in. Nghiu hướng dẫn phong cách chế độ tham khảo đã áp dụng mọi cách trích dẫn nguồn thông tin in cho các nguồn thông tin in từ . Ngày truy cập cũng vô cùng cần thiết do các nguồn thông tin Internet thay đổi nhanh chóng.

3. Khi nào phải chế độ tham khảo?

Phải chế độ tham khảo từ tất cả các nguồn thông tin sử dụng trong cả hai trường hợp sau:

- Sao chép trực tiếp từ tác giả (trích dẫn)
- Chuyển nội dung của tác giả sang từ riêng của mình (đi ngi)

Nếu không chế độ rõ nguồn có nghĩa là sinh viên đang vi phạm bản quyền. ***Vi phạm bản quyền được coi là hành vi vi phạm bản quyền. Ví dụ khác nhau của bản thân.*** Cần nhớ rằng đây là một **hành vi vi phạm bản quyền** và là vấn đề nghiêm trọng trong học thuật.

Vi phạm bản quyền có thể diễn ra nhiều hình thức: vi phạm, minh họa, biểu tượng, bao gồm các tài liệu in và tài liệu sử dụng trong các buổi thuyết trình. Vi phạm bản quyền có thể xảy ra một cách vô tình chẳng hạn như khi nguồn tài liệu sử dụng không được trích dẫn đầy đủ.

4. Những hành vi nào được coi là vi phạm bản quyền?

Theo quy định, vi phạm bản quyền xảy ra khi phạm vi phạm trong những trường hợp sau:

- Sao chép câu văn hoặc toàn văn chính xác từ bất cứ nguồn nào, đã xuất bản hoặc chưa (bao gồm các sách, bài viết, báo cáo, khóa luận, websites, biên bản hội nghị ...) không có trích dẫn cần thiết.
- Đi ngi nội dung cách ghi ngi câu văn, toàn văn, ý tưởng, nhưng không trích dẫn cần thiết.
- Sửa xấp xỉ toàn văn từ một hoặc nhiều nguồn mà chỉ thêm câu nói không có trích dẫn cần thiết.

- Sao chép hoặc nhập máy tính hay toàn bộ nội dung các tài liệu trên máy tính mà không ghi rõ nguồn gốc.
- Sao chép và nhập máy tính hoặc tác phẩm nghệ thuật và coi như là của mình
- Sao chép toàn bộ hoặc một phần bài viết của sinh viên khác.
- Nhận rởnng bài viết/tác phẩm là của bản thân trong khi người khác đã làm

Cho phép vi phạm bản quyền là hành vi giúp đỡ hoặc cho phép người khác vi phạm bản quyền bài viết của chính mình. Đây cũng là dấu hiệu nhận biết trong học thuật.

5. Hình phạt áp dụng đối với vi phạm bản quyền?

Trong suốt quá trình học tập, vi phạm bản quyền sẽ xảy ra. Bất cứ khi nào sẽ nảy sinh ý tưởng/bài viết của người khác, tác giả phải ghi rõ nguồn gốc. Nếu không ghi rõ nguồn gốc, tác giả đã có hành vi không đúng đắn về mặt học thuật. Tùy theo các trường hợp mà các hình phạt đối với vi phạm bản quyền của sinh viên có thể bao gồm và không giới hạn như:

- Cảnh cáo đối với bài tập vi phạm hoặc khóa học
- Học bổng bị tước đoạt hoặc các khoản tiền thưởng
- Tạm ngừng học
- Bị đuổi học

Đối với các học giả, các nhà nghiên cứu, việc vi phạm bản quyền có thể dẫn đến ảnh hưởng đến danh tiếng cá nhân và có thể bị kỷ luật nếu người có tác quyền thực hiện quy định của mình. Dù việc kỷ luật như vậy không thể thực hiện thì các học giả vi phạm bản quyền cũng sẽ phải chịu những hậu quả nghiêm trọng.

II. CHỈ DẪN THAM KHẢO THEO PHONG CÁCH HARVARD

Hình thức trích dẫn theo tác giả - ngày tháng bắt nguồn từ phong cách Harvard. Dù hiện nay trường Harvard không còn cung cấp một chỉ dẫn tham khảo chuẩn, các phiên bản chỉ dẫn tham khảo theo kiểu tác giả - ngày tháng vẫn thường được gọi là phong cách Harvard. Các phong cách chỉ dẫn tham khảo nổi tiếng khác có thể kể đến như phong cách Chicago, APA (American Psychological Association) và MLA (Modern Language Association).

Phong cách ch d n tài li u tham kh o Harvard c công nh n r ng rãi trong gi i h c thu t. M i ch d n tham kh o c vi t b ng ch g m tác gi , ngày xu t b n, ôi khi i kèm v i các thông tin khác ch ng h n nh s trang. Chi ti t c a nh ng ch d n tham kh o này s c li t kê trong Danh m c tài li u tham kh o cu i bài vi t.

Có r t nhi u phong cách s d ng h th ng ch d n tham kh o Harvard. Bài vi t này ch mang tính ch t h ng d n. C n ph i xem xét phong cách ch d n tham kh o quy nh t i tr ng ang theo h c. Sinh viên có th b ph t n u không tuân theo phong cách ch d n mà nhà tr ng yêu c u.

Chi ti t và ví d có th c tham kh o t i cu n *Style manual for authors, editors and printers* (2002). Thông tin và các ví d c tham kh o t ngu n sau:

Style manual for authors, editors and printers 2002, 6th edn, John Wiley & Sons, Australia.

1. Trích d n nguyên v n

Trong quá trình vi t lu n hay khóa lu n c n ch d n tên tác gi và n m xu t b n c a ngu n tài li u tham kh o trong ngo c n. T ch d n này, ng i c có th tìm l i theo tr t t b ng ch cái ngu n y c a tài li u ch d n trong ph n danh m c tham kh o. S trang là r t c n thi t khi trích d n nguyên v n t m t tác ph m, s d ng d u ngo c kép i kèm s trang. Trong tr ng h p tác ph m trích d n có dài áng k , s trang là vô cùng quan tr ng ph c v cho ng i c tìm ki m thông tin thu n l i h n.

Ví d :

Larsen (1971) là ng i u tiên a ra lý thuy t này.

HO C

Lý thuy t này c a ra u tiên vào n m 1970 (Larsen 1971).

Larsen (1971, p. 245) ghi chú ‘r t nhi u th c t ã m t i tính úng n c a chúng trong tr ng h p này’

HO C

‘R t nhi u th c t ã m t i tính úng n c a chúng trong tr ãng h p này’
(Larsen 1971, p. 245).

Ví d :

Larsen (1971, p. 245) nghi v n nhi u m t c a tr ãng h p này.

HO C

Nhi u m t c a tr ãng h p này ã b nghi v n (Larsen 1971, p. 245).

N u trích d n nhi u tác ph m t i m t câu/ o n/ý trong bài vi t, tên tác gi ph i c s p x p theo th t b ng ch cái, phân cách b i d u ch m ph y, t t t c trong ngo c n.

Ví d :

Other studies of globalization focus on its cultural and human implications
(Bauman 1998; Tomlinson 1999).

2. Danh m c tài li u tham kh o

c u i tác ph m, tác gi ph i có danh m c tham kh o li t kê T T C nh ng tài li u tham kh o trong quá trình vi t. Theo phong cách trích d n Harvard, các ngu n tham kh o không c trích d n tr c ti p trong bài nh ng có liên quan n ch c li t kê riêng trong ph n Tài li u tham kh o m r ng. Ph ãng pháp trình bày sau c áp d ng cho c danh m c Tài li u tham kh o và Tài li u tham kh o m r ng.

Danh m c tham kh o c s p x p theo th t b ng ch cái i v i tên tác gi và theo th t th i gian xu t b n.

Ví d :

Jones, AB 2000, ...

Jones, B 1995, ...

Smith, AK 1990, ...

Smith, AK 1995, ...

Stein, B 2003 ...

Stein, B & Reynolds, JS 1995, ...

Stein, B & Reynolds, JS 2000, ...

Style manual for authors, editors and printers 2002, ...

Yarbro, CH, Frogge, MH, Goodman, M & Groenwald, SL 2000, ...

Young, JC 1988a, ...

Young, JC 1988b, ...

Hình thức chấp nhận tham khảo phải thu c vào loại tài liệu: sách, bài viết, website ...

Nói chung trật tự các thành phần trong một chấp nhận tham khảo phải bao gồm: tác giả - năm xuất bản - tựa đề /tên tác phẩm - tiêu đề tác phẩm - tiêu đề của tác phẩm lần đầu (nếu có) - nhà xuất bản - ngày xem/truy cập (nếu là internet).

Trên tên tác giả và ngày tháng, mọi thông tin chi tiết trên phải cách nhau một dấu phẩy và kết thúc chấp nhận tham khảo bằng dấu chấm.

Các ký hiệu viết tắt được chấp nhận trong danh mục tham khảo của sách và các loại tài liệu khác gồm:

app.	Appendix	phụ lục
c.	circa	vào khoảng
ch.	chapter	chương
ed. (eds.)	editor (Editors)	biên tập viên
edn.	edition	lần xuất bản
et al.	and others	và những người khác
n.d.	no date	không có ngày tháng năm
n.p.	no place	không có địa điểm
no.	number	số
p., pp.	page/s	trang
para.	paragraph	oạn
pt.	part	phần
rev.	revised	chỉnh sửa
suppl.	supplement	phụ lục
vol.	volume (as in Vol.4)	tập
vols.	volumes (as in 4 volumes)	các tập

3. Tác giả

B t c khi ch d n tham kh o m t tài li u nào, cách li t kê tên tác gi ph thu c vào s tác gi c a tài li u.

Trích d n nguyên v n Danh m c tham kh o

<p>M t tác gi</p>	<p>(Jones 1995) ho c Jones (1995) kh ng nh.....</p>	<p>Jones, B 1995, <i>Sleepers, wake!:</i> technology and the future of work, 4th edn, Oxford University Press, Melbourne.</p>
<p>Hai ho c ba tác gi</p> <p>Khi có nhi u h n m t tác gi , n u trích d n nguyên v n dùng d u ngo c n thì n i tên các tác gi b ng d u ”&”, n u trích d n là m t ph n c a câu thì dùng ch “và”</p>	<p>(Stein & Reynolds 2000) ho c Stein and Reynolds (2000) bi n lu n.....</p>	<p>Stein, B & Reynolds, JS 2000, <i>Mechanical and electrical equipment for buildings</i>, 9th edn, John Wiley & Sons, New York.</p>
<p>B n tác gi ho c h n</p> <p>N u có b n tác gi ho c h n, ch c n ch d n tên tác gi u tiên khi trích d n trong bài, i kèm c m t “et al.” có ngh a là “và nh ng ng i khác”. Tuy nhiên danh m c tham kh o v n ph i nêu y tên t t c các tác gi .</p>	<p>(Yarbro et al. 2000) ho c Yarbro et al. (2000) ã tìm ra.....</p>	<p>Yarbro, CH, Frogge, MH, Goodman, M & Groenwald, SL 2000, <i>Cancer nursing</i>, 5th edn, Jones and Bartlett, Boston.</p>

<p>Nhi u tác ph m c tham kh o trong m t câu/ o n/ý</p>	<p>(Bauman 1998; Tomlinson 1999)</p>	<p>Bauman, Z 1998, <i>Globalization and culture</i>, Polity Press, Oxford.</p>
<p>Tên các tác gi ph i c s p x p theo th t b ng ch cái trong ngo c n, phân cách b ng d u ch m ph y .</p>	<p></p>	<p>Tomlinson, J 1999, <i>Globalization: the human consequences</i>, Routledge, London.</p>
<p>Nhi u tác ph m có cùng m t tác gi u tiên và n m xu t b n</p>	<p>(Heyland 2001) ho c Heyland (2001) báo cáo.....</p>	<p>Heyland, DK 2001, 'In search of the magic nutraceutical: problems with current approaches', <i>Journal of nutrition</i>, vol. 131, no. 9, p. 2591S.</p>
<p>Tác ph m c a m t tác gi s c trích d n tr c tác ph m có nhi u tác gi trong danh m c tài li u tham kh o</p>	<p>(Heyland & Novak 2001) ho c Heyland and Novak (2001) báo cáo.....</p>	<p>----- & Novak, F 2001, 'Immunonutrition in the critically ill patient: more harm than good?', <i>JPEN: Journal of parenteral and enteral nutrition</i>, vol. 25, no. 2, p. S51.</p>
<p>Có th dùng d u ----- thay vì l p l i tên tác gi ã vì t khi trích d n tác ph m có nhi u tác gi</p>	<p>(Porter 2001a) (Porter 2001b) ho c Porter (2001a) kh ng nh..... ho c theo Porter (2001b) ...</p>	<p>Porter, ME 2001a, 'Japan: what went wrong', <i>Wall Street Journal - Eastern Edition</i>, vol. 237, no. 56, p. A22. ---- 2001b, 'Strategy and</p>

t vào ng sau n m
xu t b n. Th t s p x p
theo b ng ch cái.

the Internet', *Harvard
Business Review*, vol. 79,
no. 3, p. 62.

Khuy t danh

Khi m t tác ph m không
có tên tác gi , u tác
ph m s c trích d n.

*Style manual for authors,
editors and printers*
(2002)
ho c
According to the *Style
manual for authors,
editors and printers*
(2002) ...

*Style manual for authors,
editors and printers*
2002, 6th edn, John
Wiley & Sons, Australia.

Biên t p viên

S d ng ký hi u vi t t t
ed cho m t biên t p viên
(editor); ho c eds cho
nhi u biên t p viên.

(eds. Muller, Cloete &
Badat 2001)
ho c
biên t p b i Muller,
Cloete and Badat (2001)

Muller, J, Cloete, N &
Badat, S (eds.) 2001,
*Challenges of
globalisation: South
African debates with
Manuel Castells*,
Maskew Miller
Longman, Pinelands,
Cape Town.

4. SÁCH

4.1. Toàn b sách

Hình th c:

H tác gi , Ch cái vi t t t tên tác gi N m xu t b n, *Tên sách*, L n xu t b n, Nhà
xu t b n, N i xu t b n.

Ví d :

Jones, B 1995, *Sleepers, wake!: technology and the future of work* , 4th edn, Oxford
University Press, Melbourne.

4.2. Ch ng sách

Hình thức:

H tác gi ch ng sách, Ch cái vi t t t tên tác gi N m xu t b n, ‘Tiêu ch ng’, [trong] H tác gi sách Ch cái vi t t t tên tác gi sách (n u khác v i tác gi ch ng sách), *Tên sách*, L n xu t b n, Nhà xu t b n, N i xu t b n, S trang.

Ví d :

Crawford, RJ 1998, 'Plastics available to the designer', trong *Plastics engineering*, 3rd edn, Heinemann-Butterworth, Oxford, pp. 6-18.

ho c

Christians, CG 2000, 'Ethics and politics in qualitative research', trong Denzin NK & Lincoln YS *Handbook of qualitative research*, 2nd edn, Thousand Oaks, CA, Sage, pp. 133-154.

4.3. Sách i n t t C s d li u i n t

N u sách i n t c l y trên máy vi tính t m t c s d li u th vi n d i d ng các file hình nh nh Acrobat PDF, trích d n gi ng nh sách in g c. N u có nhi u hình th c trình duy t sách i n t khác nhau, nên l a ch n nh d ng file hình.

N u sách i n t t d li u th vi n c nh d ng l i, ch ng h n d ng HTML ho c d ng plain text, ho c t m t website, nên ch d n ngu n ã s d ng vì nh ng hình nh, bi u , s trang... có th b m t i. N u ngu n là t m t c s d li u th vi n, nêu tên c s d li u, ho c n u t internet thì ch d n URL.

Hình thức:

H tác gi , Ch vi t t t tên tác gi N m xu t b n, *Tên sách*, L n xu t b n, Nhà xu t b n, N i xu t b n, truy c p ngày tháng n m, tên c s d li u.

Ví d :

Kung, SY, Mak, MW & Lin, SH 2004, *Biometric authentication: a machine learning approach*, Prentice Hall, Upper Saddle River, NJ., truy c p ngày 5 tháng 8 n m 2005, Safari Tech Books Online.

4.4. Sách i n t t Internet

Nếu sách internet thu về các dữ liệu internet cả thì vì nên để dạng các file hình ảnh PDF, trích dẫn ghi nguyên sách in giấy. Nếu có nhiều hình thức trình duyệt sách internet khác, nên chọn dạng file hình.

Nếu sách internet tải về thì vì nên chọn dạng lời, chương trình dạng HTML hoặc dạng plain text, hoặc một website, nên chọn đúng nguồn đã sử dụng vì hình ảnh, biểu tượng, trang... có thể bị mất đi. Nếu nguồn là các dữ liệu cả thì vì nên, nêu tên các dữ liệu, hoặc nút internet thì chọn dạng URL.

Hình thức:

Họ tác giả, Chức vụ thật tên tác giả Năm xuất bản, 'Tên chương, [trong] sách của tác giả (nếu khác), Tên sách, Lần xuất bản, Nhà xuất bản, Nơi xuất bản, Truy cập ngày tháng năm, <URL>.

Ví dụ :

Chen, C & Farruggia, S 2002, 'Culture and adolescent development', trong Lonner, WJ, Dinnel, DL, Hayes, SA & Sattler, DN (eds.), *Online Readings in Psychology and Culture*, Unit 11, Chapter 2, Center for Cross-Cultural Research, Western Washington University, Bellingham, Washington USA, viewed 15 September 2005, <http://www.ac.wwu.edu/~culture/Chen_Farruggia.htm>.

4.5. Bách khoa toàn thư học thuật

Chỉ vì nguồn tài liệu bách khoa toàn thư và thuật ngữ, chỉ cần chọn trong trình bày trích dẫn nguyên văn trong bài, và KHÔNG cần chép lại trong Danh mục tham khảo.

Ví dụ :

(*Literacy in America: an encyclopedia* 2001, p.25) khảo luận.....

The Macquarie dictionary (1997) khảo luận a nó luận

4.6. Trích dẫn thực phẩm

Nguồn thông tin gốc rất quan trọng, tuy nhiên đôi khi không thể tìm ra nguồn thông tin gốc. Do đó bước phải chọn nguồn tham khảo trích dẫn của tác giả khác. Đây là nguồn thực phẩm, vì trình bày này phải chọn tên của tác giả và tên người

trích dẫn ưu tiên khi trích dẫn nguyên văn. Danh mục tham khảo có thể chèn li t kê ngu n th c p tìm th y c.

Ví dụ trích dẫn nguyên văn:

MacDonald (1993, trích dẫn trong Saunders, Lewis & Thornhill 2003, p. 48) kh ng nh ...

ho c

(MacDonald 1993, trích dẫn trong Saunders, Lewis & Thornhill 2003, p. 48)

Ví dụ danh mục tham khảo:

Saunders, M, Lewis, P & Thornhill, A 2003, *Research methods for business students*, 3rd edn, Pearson Educational, Essex, p. 48.

4.7. Khuyến khích gian xuất bản

Các tác phẩm không có năm xuất bản sử dụng cụm vi t t t n.d. (no date) bi u th .

Ví dụ trích dẫn nguyên văn:

(Brown n.d.)

ho c

Brown (n.d.)

Ví dụ danh mục tham khảo:

Brown, S n.d. *B. B. Bernard*, Sunshine Press, London.

5. Bài viết chuyên ngành

L u ý: Vi t hoa ch cái ưu tiên c a t ưu tiên, và m i t khóa trong tên bài vi t.

Không in hoa các ch nh *on, for, in, and*

Ví dụ : The Australian Journal of Language and Literacy

Hình thức:

Tác giả của bài vi t – H và ch cái vi t t t tên tác giả N m xu t b n, ‘Tên bài vi t’, *Tên t p san*, s , kì phát hành, s trang.

Ví dụ :

Zivkovic, B & Fujii, I 2001, 'An analysis of isothermal phase change of phase

change material within rectangular and cylindrical containers', *Solar Energy*, s 70, kì phát hành 1, trang 51-61.

5.1. Bài viết chuyên ngành internet CSDL

Lưu ý: *Style manual for authors, editors and printers* (2002) không phân biệt giữa người tài liệu in hay internet. Khi dẫn tham khảo người sách internet nên viết như sau.

Nếu bài viết chuyên ngành thu thập dữ liệu internet cá nhân ví dụ là các file hình ảnh PDF, các bài viết này trích dẫn trong sách in gốc. Nếu có nhu cầu hình thức trình duyệt sách internet khác, nên chọn hình ảnh file hình.

Nếu bài viết tải về dưới dạng văn bản như hình ảnh, chương trình HTML hoặc dạng text trực tuyến, hoặc trên website, nên chọn người sử dụng vì nội dung hình ảnh, biểu đồ, sơ trang... có thể bị mất đi. Nếu người là tập thể dữ liệu cá nhân, nêu tên tập thể dữ liệu, hoặc nút internet thì chọn URL.

Hình thức:

Tác giả của bài viết – Họ và họ cái viết tắt tên tác giả N m xuất bản, ‘Tên bài viết’, *Tên tạp san*, số, số phát hành, số trang, truy cập ngày tháng năm, tên dữ liệu.

Ví dụ :

Easthope, G 2004, 'Consuming health: the market for complementary and alternative medicine', *Australian Journal of Primary Health*, vol. 10, no. 2, pp. 68-75, viewed 30 March 2005, Australian Public Affairs Full Text.

5.2. Bài viết có bản thảo công bố trực khi công bố và xuất bản (In press article)

Hình thức:

Tên bài báo – Họ tác giả Họ cái viết tắt tên tác giả có bản thảo công bố, ‘Tên bài báo’, *Tên tạp san*, xem ngày tháng năm, tên tập thể dữ liệu (nếu có)

Ví dụ :

Mundermann, A, Wakeling, JM, Nigg, BM, Humble, RN & Stefanyshyn, DJ in

press, 'Foot orthoses affect frequency components of muscle activity in the lower extremity', *Gait and posture*, viewed 15 September 2005, ScienceDirect.

6. Bài báo

Lưu ý: Vị trí hoa chữ cái đầu tiên của từ đầu tiên, và mặt chữ khóa trong tên bài báo. Nếu bài báo khuyến khích danh từ chung để danh từ chung thì phần trích dẫn nguyên văn, KHÔNG phải đưa vào Danh mục tham khảo.

Ví dụ: *The Australian* (10 July 2002, p.1) khuyến khích.....

Nội dung:

Họ tác giả, Chức vị và tên tác giả, Năm xuất bản, 'Tên bài báo', *Tên tờ báo*, ngày tháng, số trang.

Ví dụ:

Tobler, K & Kerin, J 2002, 'Hormone alert for cancer', *The Australian*, 10 July, p. 1.

6.1. Bài báo trực tuyến

Nếu bài báo thu được trực tuyến thì cần phải lưu ý để đảm bảo các file hình ảnh như PDF, các bài báo này cần trích dẫn ghi rõ nguồn sách in ấn. Nếu có nhiều hình thức trình duyệt sách in ấn khác, nên chọn hình thức file hình.

Nếu bài báo trực tuyến thì cần phải lưu ý để đảm bảo các file hình ảnh như HTML hoặc văn bản thu thập, hoặc từ website, nên chọn đúng nguồn đã đăng vì hình ảnh, biểu đồ, số trang... có thể bị mất. Nếu nguồn là trực tuyến cần lưu ý địa chỉ và tên, nêu tên trực tuyến, hoặc nếu từ internet thì cần đưa URL.

Hình thức:

Họ tác giả, Chức vị và tên tác giả, Năm xuất bản, 'Tiêu đề bài báo', *Tên báo*, ngày tháng, số trang, xem ngày tháng năm, tên trực tuyến.

Ví dụ:

Timmins, N 2005, 'Delay raises doubt in public sector', *Financial Times*, 20 July, truy cập 21 July 2005, Factiva.

6.2. Bài đăng trên diễn đàn thảo luận (Discussion List Message)

Hình thức:

Tác giả < địa chỉ email của tác giả > Năm đăng bài, 'Tên bài đăng', mô tả bài đăng, ngày và tháng đăng bài, *tên chi tiết diễn đàn*, truy cập ngày tháng năm, <URL>.

Ví dụ :

Shively, E <chminf-l@listserv.indiana.edu> 1997, 'CA pre-1967 information', list server, 1 July, *Chemical Information Sources Discussion List*, viewed 3 July 2003, <<http://listserv.indiana.edu/archives/chminf-l.html>>.

6.3. Bài đăng trên diễn đàn thông tin (Newsgroup message)

Hình thức:

Tác giả < địa chỉ email của tác giả > Năm đăng bài, 'Tên bài đăng', mô tả bài đăng, ngày và tháng đăng bài, *Tên chi tiết diễn đàn*, truy cập ngày tháng năm, <URL>.

Ví dụ :

Milinkovich, M 2005, 'Oracle PL/SQL in Eclipse', diễn đàn, 12 July, *News.Eclipse.Technology*, 15 September 2005, <<http://dev.eclipse.org/newslists/news.eclipse.technology/msg01045.html>>.

6.4. Bài đăng trên Blogs

Hình thức:

Tác giả < địa chỉ email của tác giả > Năm đăng bài, 'Tên bài đăng', mô tả bài đăng, ngày và tháng đăng bài, *Tên nhà cung cấp blog*, ngày tháng truy cập năm truy cập, <URL>.

Ví dụ :

Steffen, A 2005, 'Bird flu can we out-collaborate a pandemic?' blog, 15 August, *World Changing: another world is here*, viewed 15 September 2005, <<http://www.worldchanging.com/archives/003310.html>>.

6.5. Các tài liệu website

Rất nhiều nguồn tài liệu internet không ảnh hưởng trực tiếp tới các tài liệu dạng PDF. Nếu trích dẫn hoặc đăng lại từ website mà tài liệu không dạng PDF, vẫn có thể sử dụng làm một phần của trích dẫn nguyên văn trong bài.

- mục, (eg. Stone 2004, Usage and prognosis section)
- số (eg. Stone 2004, para.11)

Hình thức:

Tác giả /Biên tập viên. Nhà xuất bản, *Tên tài liệu*, tên người biên soạn, ngày truy cập, <URL>.

Ví dụ danh mục tham khảo:

Stone, A 2004, *Headaches due to Wind Cold*, Al Stone Acupuncture and Traditional Chinese Herbal Medicines, truy cập 10 September 2006, <<http://beyondwellbeing.com/headaches/wind-cold.shtml>>.

Ví dụ trích dẫn nguyên văn:

ã có nhận xét như: “this formula is about 85% targeting the symptoms of headache and stuffy nose, while only 15% directly addresses the cold or allergies” (Stone 2004, Usage and prognosis section)

hoặc

ã có nhận xét như: “this formula is about 85% targeting the symptoms of headache and stuffy nose, while only 15% directly addresses the cold or allergies” (Stone 2004, para. 11)

7. Những nguồn khác

7.1. Kỹ thuật

Hình thức:

H tác giả, Chủ tịch tên tác giả Nhà xuất bản, ‘Tiêu biên bản’, [trong] Biên tập viên (nếu có), Tên kỹ thuật xuất bản có thể gọi là và thời gian thực, Nhà xuất bản, Nhà xuất bản, số trang.

Ví dụ:

Kovacs, GL 1994, ‘Simulation-scheduling system using hybrid software

technology', trong *Computer Integrated Manufacturing and Automation Technology: Proceedings of the 4th International conference, Troy, New York, October 10-12, 1994*, IEEE Computer Society Press, Los Alamitos, California, pp.351-356.

7.2. Khóa luận/Luận văn

Hình thức:

Họ tác giả, Chức vị/tên tác giả/Năm thực hiện khóa luận, 'Tên khóa luận', Địa điểm, Học vị/Nội dung thực hiện khóa luận.

Ví dụ:

Garland, CP 1986, 'Structure and removal of non-cellulosic components of eucalypt woods', MAppSci thesis, Royal Melbourne Institute of Technology.

7.3. Bằng sáng chế

Hình thức:

Tên nhà phát minh. Tên người công bố quy định, Tên sáng chế, Số sáng chế Thời điểm sáng chế (ngày và tháng).

Ví dụ:

Wilmott, JM & Znaiden, AP Avon Products Inc., *Cosmetic preparation incorporating stabilized ascorbic acid*, U.S. patent 4,983,382 Jan. 8 1991.

7.4. CD ROM

Hình thức:

Tên tác giả/biên tập viên, Chức vị/tên tác giả/biên tập viên/Năm, Tiêu đề, Loại xuất bản, CD-ROM, Nhà xuất bản, Nội dung xuất bản.

Ví dụ:

Young, B & Heath, J 2000, *Wheater's functional histology: a text and colour atlas*, 4th edn, CD-ROM, Churchill Livingstone, Edinburgh.

7.5. Phim, video, chương trình truyền hình và chương trình radio

Hình thức:

Tên chương trình Ngày thu, hình thức, nhà xuất bản, địa điểm thu, thời gian xem.

Ví dụ:

What are we going to do with the money? 1997, television program, SBS Television, Sydney, 8 August.

Học

Swiss ball: exercises for performance and function 1999, video recording, Galaxy Leisure Corporation, 3 February.

Lưu ý: trích dẫn nguyên văn tên chương trình đúng chính xác.

7.6. Liên lạc cá nhân

Thông tin thu thập liên lạc cá nhân – có thể bằng phỏng vấn/ i tho i tr c ti p, i n tho i, fax, th , th i n t ... nên c trích d n nguyên v n. Chi ti t các liên l c cá nhân **không c n** nêu trong Danh m c tham kh o.

Thông tin, g m ngày, tháng và n m, c trích d n tr c ti p ho c vi t trong ngo c n. Có th nêu chi ti t v t ch c mà ng i i tho i i di n. Lưu ý r ng ch cái vi t t t tên **ng tr c h .s**

Ví dụ:

Khi c phỏng v n vào 24 April 1999, Ms S Savieri kh ng nh.....

Bà S Savieri kh ng nh i u này b ng fax vào 24 April 1999.

ã có xác nh n v v b o ng x y ra t i Shepparton (S Savieri 1999, pers. comm., 24 April).

Bà S Savieri (Australian Institute of Criminology) xác nh n l i thông tin này qua th i n t vào 24 April 1999.

ã có xác nh n v v b o ng x y ra t i Shepparton (S Savieri [Australian Institute of Criminology] 1999, pers. comm., 24 April).

Tài liệu tham khảo

RMIT Business 2003, *Written reports and essays: guidelines for referencing and presentation in RMIT Business*, RMIT University, Melbourne.

Style manual for authors, editors and printers 2002, 6th edn, John Wiley & Sons, Australia.